SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH
DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: **Quản lý doanh nghiệp xây dựng** — Thi lần: 01
Ngành : Xây dựng CN & DD — Học kỳ : II
Lớp : 11XD1 — Khóa: 07 (2011-2013) — Năm học: 2012-2013
Giờ thi: 7h30 — Ngày thi: 27/05/2013 — Phòng thi: A 3.1

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ giấy thi	Thí sinh (ký)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	11XD001	Nguyễn Thiên	**Ân**	23/01/1986	7		8		7.7			5	năm	K3+K4 R
2	11XD005	Mào Thị Thái	**Châu**	03/05/1991	7		9		8.3			5	năm	
3	11XD006	Phạm Tấn	**Chương**	20/02/1989	7		9		8.3			7	bảy	K4 CK
4	11XD007	Võ Tuấn	**Công**	05/04/1993	6		8		7.3			8	tám	
5	11XD008	Nguyễn Sơn	**Cường**	27/10/1988	6		8		7.3			4	bốn	K4 R
6	11XD010	Lê Phước	**Danh**	01/01/1991	5		8		7.0			6	sáu	K4 CK
7	11XD011	Trần Quang	**Diệu**	28/03/1992	7		8		7.7			5	năm	
8	11XD014	Trần Nguyễn Anh	**Dũng**	02/10/1990	7		8		7.7			5	năm	
9	11XD015	Phan Thanh	**Duy**	20/12/1991	7		7		7.0			6	sáu	
10	11XD016	Nguyễn Trung	**Giang**	09/02/1993	7		8		7.7			8	tám	
11	11XD024	Phan Văn	**Hưng**	18/02/1992	7		7		7.0			8	tám	
12	11XD025	Nguyễn Hoàng	**Huy**	09/06/1987	6		7		6.7			6	sáu	
13	11XD028	Trần Lục Anh	**Kỳ**	05/08/1993	7		7		7.0			7	bảy	K4 CK
14	11XD031	Huỳnh Ngọc	**Linh**	10/02/1992	7		7		7.0			6	sáu	K4 R
15	11XD032	Lâm Xuan	**Long**	20/01/1993	5		8		7.0			8	tám	
16	11XD035	Nguyễn Văn	**Mẫn**	06/06/1992	7		7		7.0			8	tám	K4 CK
17	11XD036	Bùi Quốc Công	**Minh**	22/05/1993	7		7		7.0			7	bảy	
18	11XD037	Nguyễn Hoài	**Nam**	24/02/1990	7		7		7.0			4	bốn	
19	11XD038	Lý Quốc	**Nam**	12/05/1991	8		7		7.3			5	năm	K4 CK
20	11XD040	Nguyễn Minh	**Ngọc**	03/03/1993	7		7		7.0			6	sáu	
~~21~~	~~11XD042~~	~~Vũ Minh~~	~~**Nhật**~~	~~23/08/1992~~	~~5~~		~~6~~		~~5.7~~		VẮNG			K4
22	11XD043	Nguyễn Trí	**Nhiên**	08/06/1991	6		6		6.0			5	năm	K4 CK
23	11XD044	Nguyễn Viết	**Phúc**	08/01/1992	7		6		6.3			7	bảy	
24	11XD046	Nguyễn Lâm Trường	**Quân**	12/02/1993	8		7		7.3			4	bốn	
25	11XD048	Lê Văn	**Sang**	01/01/1992	7		8		7.7			8	tám	
26	11XD049	Trương Minh	**Sơn**	08/11/1983	9		7		7.7			8	tám	
27	11XD050	Phạm Văn	**Sum**	20/05/1993	8		9		8.7			7	bảy	

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ giấy thi	Thí sinh (ký)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 2	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
28	11XD053	Phạm Trần Hoàng	**Tân**	06/08/1992	6		7		6.7			7	bảy	K4 CK
29	11XD057	Phan Đình	**Thi**	01/10/1992	7		6		6.3			8	tám	
30	11XD058	Võ Nguyên	**Thuận**	16/06/1993	6		8		7.3			6	sáu	
31	11XD062	Nguyễn Hữu	**Tính**	23/12/1993	7		8		7.7			7	bảy	
32	11XD063	Đỗ Duy	**Toàn**	09/09/1988	7		7		7.0			8	tám	
33	11XD065	Ngưu Ngọc	**Trại**	04/10/1987	7		7		7.0			8	tám	K4 CK
34	11XD066	Nguyễn Thị Ngọc	**Trâm**	12/11/1993	7		9		8.3			9	chín	
35	11XD069	Nguyễn Chí	**Trung**	21/05/1991	7		8		7.7			6	sáu	K4 CK
36	11XD071	Hoàng Quốc	**Trưởng**	19/05/1992	7		7		7.0			5	năm	K4 CK
37	11XD073	Trương Hoàng	**Tú**	04/05/1993	9		9		9.0			8	tám	
38	11XD074	Hoàng Đình	**Tuân**	17/02/1991	6		6		6.0			8	tám	K4 R
39	11XD075	Nguyễn Trương Anh	**Tuấn**	11/11/1992	7		7		7.0			7	bảy	K4 thiếu R 200
~~40~~	~~11XD076~~	~~Nguyễn Trung~~	~~**Tuấn**~~	~~20/10/1991~~	~~7~~		~~9~~		~~8.3~~		VẮNG			
41	11XD077	Lương Quang	**Tùng**	10/02/1986	7		8		7.7		6	6	sáu	K4 CK
42	11XD079	Lê Hoài	**Vi**	20/12/1992	6		8		7.3		Vi	6	sáu	K4 R
43	11XD080	Đỗ Tuấn	**Vũ**	25/03/1990	6		8		7.3			4	bốn	K4R
~~44~~	~~11XD081~~	~~Huỳnh Văn~~	~~**Vương**~~	~~23/05/1992~~	~~7~~		~~6~~		~~6.3~~		VẮNG			~~K4~~
45	11XD201	Phạm Văn	**Tiến**	30/03/1985	6		7		6.7			6	sáu	? R
46	11XD034	Đặng Tấn	**Lực**	16/07/1986	7		7		7.0			8	tám	? K

Tổng số : **46** thí sinh.

TP. HCM, ngày ...17... tháng ...05... năm ...2013

HIỆU TRƯỞNG 17/5/2013
(Duyệt)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ-KỸ THUẬT SÀI GÒN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Việt Dũng

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Như Quỳnh

+ Số thí sinh có mặt: ..43...
+ Số thí sinh vắng mặt: ...03...
+ Số bài thi:...43.....
+ Số tờ giấy thi:..43..

Ghi chú:

+ Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
+ Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.
* Ngày giao - nhận:.....
* Người giao *(Ký, họ tên)* :.....
* Người giao *(Ký, họ tên)* :.....

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi đủ họ tên)

Trần Minh Hùng

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi đủ họ tên)

Nguyễn Thị Vân Hồng

Giáo viên chấm thi 1
(Ký & ghi đủ họ tên)

Nguyễn Đức Phanh

Giáo viên chấm thi 2
(Ký & ghi đủ họ tên)